TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIÊN KHÁNH
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-11-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Tín
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành
Bà Thái Thị Đang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Đình Vân Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 309/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Phan Thị Hoàng K** Sinh năm: 199x
Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện D.K, Khánh Hòa; có mặt.
- *Bị đơn*: Ông **Vy Văn T** Sinh năm: 198x
Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện D.K, Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị Hoàng K trình bày:

Bà và ông Vy Văn T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D năm 2014. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống; ông T ham mê cờ bạc, không quan tâm chăm sóc vợ con. Bà nhiều lần khuyên can nhưng ông T không thay đổi. Do nợ nần cờ bạc, nên ông T thường bỏ nhà đi; mọi việc trong gia đình, chăm sóc con cái đều do một mình bà thực hiện. Vợ chồng không có sự chia sẻ, mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình. Nay bà xác

định không còn tình cảm với ông T; không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

Bà và ông T có 02 con chung là Vy Văn Xuân L, sinh ngày 03/12/201x và Vy Ngọc Xuân A, sinh ngày 10/9/201x, hiện 02 con đang sống với bà K. Khi ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung; hiện tại, bà có công việc làm và thu nhập ổn định, có thể tự đảm bảo về mặt tài chính nuôi con nên không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Vy Văn T không đến Tòa án làm việc, không có lời khai.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Sau khi xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của đương sự tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Hoàng K đối với ông Vy Văn T. Giao con chung Vy Văn Xuân L và Vy Ngọc Xuân A cho bà K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T không cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyên đơn bà K xác định vợ chồng bà không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Vy Văn T tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành việc xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

[2.1]. Ngày 06/8/2014, bà Phan Thị Hoàng K và ông Vy Văn T đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 57/2014; đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Bà K xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không thể hàn gắn; tình cảm vợ chồng không còn; mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình nên không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân, kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn cũng như tham gia phiên hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, nhưng ông T không đến, không có lời khai và tại phiên tòa ông T cũng vắng mặt không lý do. Điều này thể hiện việc ông T có thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa ông và bà K. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị Hoàng K và ông Vy Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

[3]. Về con chung: Bà K xác định vợ chồng có 02 con chung là Vy Văn Xuân L, sinh ngày 03/12/201x và Vy Ngọc Xuân A, sinh ngày 10/9/201x. Điều này phù hợp với nội dung Giấy khai sinh của Vy Văn Xuân L và Vy Ngọc Xuân A mà đương sự cung cấp. Khi ly hôn, bà K có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con. Xét thấy, hiện tại cháu L và cháu A còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ và thực tế bà K là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con, bà K có công việc ổn định; do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu L, cháu A cần giao cháu L, cháu A cho bà K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà K không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Thị Hoàng K xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Do bị đơn ông T chưa có lời khai về vấn đề này nên nếu sau này đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn bà Phan Thị Hoàng K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Phan Thị Hoàng K được ly hôn ông Vy Văn T.

2. Về con chung:

2.1. Giao Vy Văn Xuân L, sinh ngày 03/12/201x và Vy Ngọc Xuân A, sinh ngày 10/9/201x cho bà Phan Thị Hoàng K trực tiếp chăm nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục. Ông Vy Văn T không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Vy Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung là không ai được quyền cản trở.

2.2. Quá trình nuôi con chung, bà Phan Thị Hoàng K, ông Vy Văn T có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, thay đổi cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Thị Hoàng K xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Trường hợp sau này, đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Phan Thị Hoàng K phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Phan Thị Hoàng K đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0018941 ngày 06/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh. Bà Phan Thị Hoàng K đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quy định: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Bà Phan Thị Hoàng K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Vy Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Trung Tín

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Chi cục THADS huyện Diên Khánh;
- UBND xã D, huyện Diên Khánh (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.